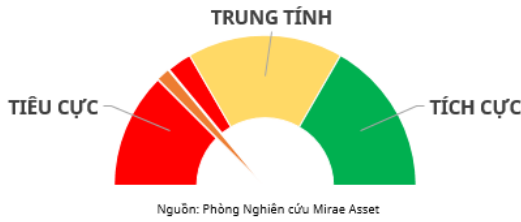


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

22 Tháng 09, 2022



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,214.70	0.3	-3.6	-10.1
HNX	265.64	0.2	-9.9	-26.9
UPCOM	88.55	0.4	-4.0	-9.3
MSCI EM	932.08	-1.5	-6.0	-26.2
NIKKEI	27,153.83	-0.6	-5.7	-8.4
HANG SENG	18,147.95	-1.6	-7.7	-25.1
KOSPI	2,332.31	-0.6	-5.3	-25.7
FTSE	7,227.68	-0.1	-4.1	2.0
S&P 500	3,789.93	-1.7	-8.4	-13.8
NASDAQ	11,220.19	-1.8	-9.4	-24.7

Nhận định thị trường

VN-Index bất ngờ đảo chiều

Nếu như áp lực bán chiếm phần lớn thời gian giao dịch trong phiên sáng, thì lực cầu mạnh khi VN-Index ở vùng giá 1,200 điểm ở phiên chiều đã giúp cho đà giảm dần thu hẹp và đổi sắc khi kết phiên. Đóng cửa, VN-Index tăng hơn 4 điểm tương ứng với 0,34% và dừng chân tại 1,214 điểm. Thanh khoản khởp lệnh được cải thiện tích cực khi tăng 33,8% đạt hơn 435 triệu đơn vị tương ứng với hơn 10,186 tỷ về giá trị.

Nhóm chứng khoán là nhóm dẫn dắt ở chiều phục hồi với nhiều mã tăng mạnh cụ thể BSI (+6,8%), BVS (+5,6%); HCM (+5,2%) và MBS (+4,7%). Bên cạnh đó nhóm xây dựng tiếp tục duy trì đà tăng của mình như LCG, FCN, CII với biên độ tăng hơn 2%. Nhóm thép cũng có phản ứng tích cực khi mà NKG (+3,1%); HSG (+1,5%) và HPG (+0,4%).

Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 481 tỷ đồng trên HNX và HSX. Trong đó, đứng đầu chiều bán ròng là NLG với 108 tỷ đồng và đứng thứ 2 là BCM với 89 tỷ đồng. Ngược lại, HPG được mua ròng mạnh nhất với hơn 45 tỷ đồng trong phiên hôm nay.

Mặc dù đảo chiều ngoạn mục thế nhưng thanh khoản vẫn ở mức thấp hơn trung bình nên khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index tiếp tục duy trì ở mức đánh giá -4 điểm TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đạt 13,1x.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

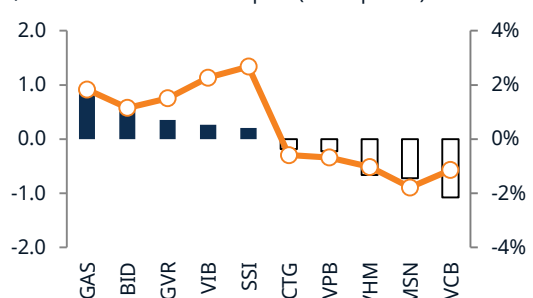
Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.1	2.0	15.5
Indonesia	16.0	2.2	14.1
Philippines	16.3	1.6	10.1
Malaysia	16.0	1.4	8.8
Thái Lan	16.8	1.7	9.5

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	4.0	0	0	0
TPCP 5 năm	3.9	27	93	305
TPCP 10 năm	4.3	12	79	218

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,712	-0.1	-1.3	-4.0
US\$/KRW	1,411.3	-1.2	-5.1	-16.7
US\$/JPY	142.4	1.2	-3.4	-22.9
US\$/EUR	1.0	-0.4	0.7	18.3
US\$/GBP	0.9	-0.4	4.0	20.3
US\$/SGD	1.4	0.0	-1.3	-4.5

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	316	540	851
HNX	33	67	106
UPCOM	17	29	63

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-6	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-6	TIÊU CỰC
Dow Jones	-7	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

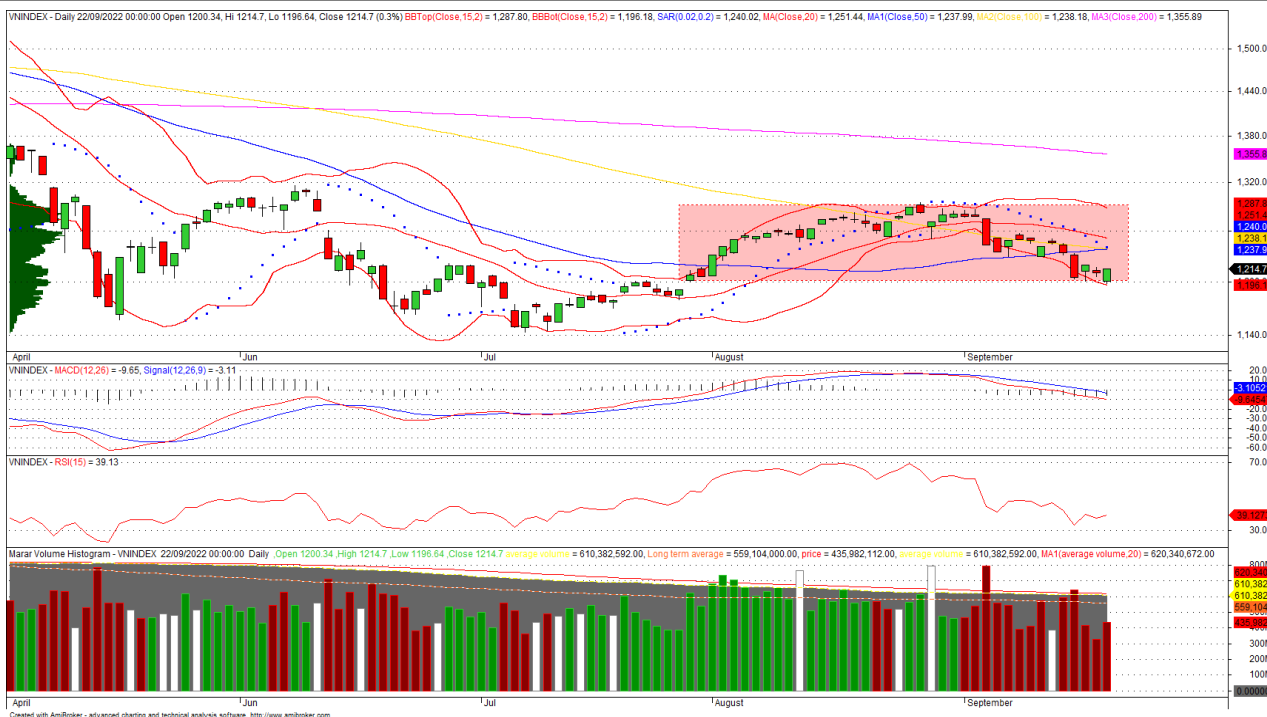
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (22/09/2022)	Kháng cự 1	1.240
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.270
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.190

VN-Index phục hồi tích cực khi về vùng hỗ trợ mạnh tại 1,200 điểm

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

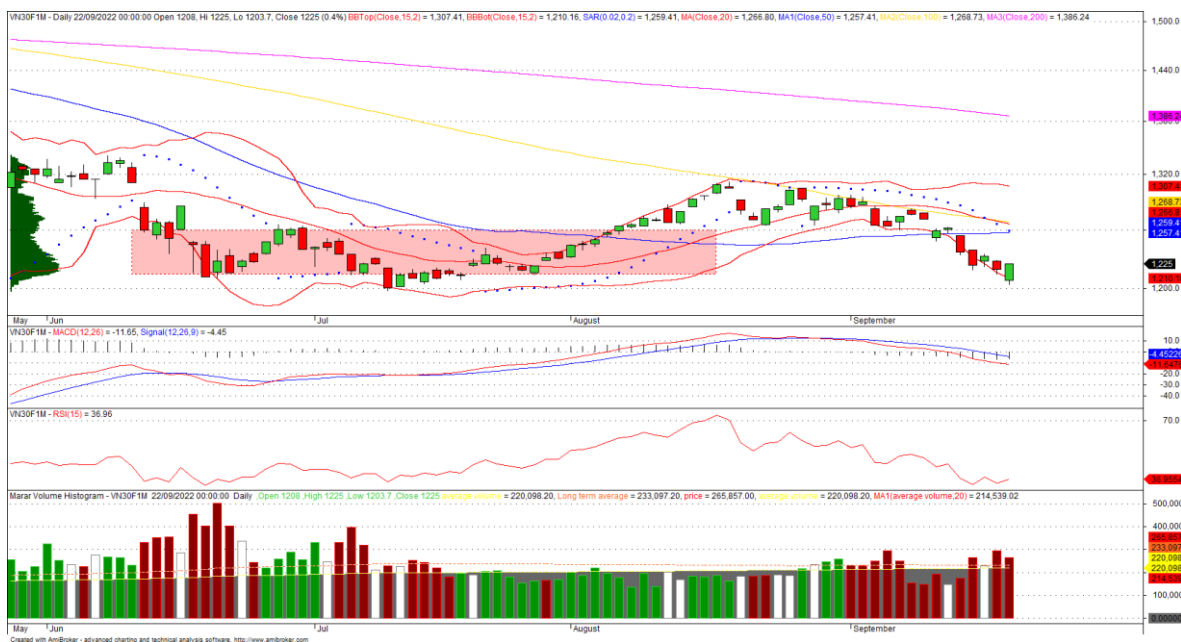
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (22/09/2022)	1.225	Kháng cự 1	1.260
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.280
VN30 - đóng cửa	1228	Hỗ trợ 1	1.208
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-3,9	Hỗ trợ 2	1.190

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	6	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

VN30F1M bật tăng mạnh và đóng cửa ở vùng giá cao nhất trong ngày

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PLC	Nhựa đường	30,300	371,835	95	5	
VCG	Xây dựng	25,800	6,155,850	89	5	Top sức mạnh ngành
FCN	Xây dựng	16,850	2,969,230	85	5	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnđ)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
HLA	900	359,780	5	KHẢ QUAN	31	#N/A N/A	#N/A N/A	324
VCG	25.8	6,155,850	5	KHẢ QUAN	12,536	13.5	1.9	159
NT2	31.85	2,193,260	5	KHẢ QUAN	9,169	10.2	2.1	70
FCN	16.85	2,969,230	5	KHẢ QUAN	2,653	86.2	1.0	50
HHV	16.65	2,627,300	5	KHẢ QUAN	4,452	15.6	0.7	44
LCG	11.8	3,601,405	5	KHẢ QUAN	2,238	11.8	0.9	42
HCM	27.2	6,582,785	4	KHẢ QUAN	12,436	10.8	1.6	179
PNJ	114	620,115	3	TRUNG TÍNH	28,044	19.1	3.4	71
DXG	25.8	10,334,970	2	TRUNG TÍNH	15,674	21.1	1.7	267
HUT	26.1	2,493,510	2	TRUNG TÍNH	9,099	34.8	2.3	65
VPI	61	932,095	2	TRUNG TÍNH	14,762	25.1	4.5	57
HAG	13.85	20,993,636	0	TRUNG TÍNH	12,844	18.0	2.9	291
KBC	29.7	7,100,515	0	TRUNG TÍNH	22,798	91.6	1.6	211
SHS	11.4	8,345,020	0	TRUNG TÍNH	9,270	9.1	1.0	95
PAN	26.35	3,304,890	0	TRUNG TÍNH	5,536	14.2	1.3	87
ASM	17.25	4,322,430	0	TRUNG TÍNH	5,805	7.0	1.1	75
VIC	63.3	988,440	0	TRUNG TÍNH	241,422	#N/A N/A	2.2	63
GMD	49	865,045	0	TRUNG TÍNH	14,768	18.1	2.2	42
IJC	21.25	1,612,915	0	TRUNG TÍNH	4,613	9.5	1.3	34
TCM	43	706,030	0	TRUNG TÍNH	3,524	27.8	1.9	30
SSI	21.1	17,252,360	-2	TRUNG TÍNH	31,421	7.9	1.6	364
VND	19	17,266,850	-2	TRUNG TÍNH	23,139	4.7	1.6	328
PVD	22.2	12,209,895	-2	TRUNG TÍNH	12,341	#N/A N/A	0.9	271
STB	21.95	10,126,455	-2	TRUNG TÍNH	41,380	11.5	1.2	222
VCI	33.7	5,767,890	-2	TRUNG TÍNH	14,676	9.6	2.1	194
VNM	76.5	2,132,390	-2	TRUNG TÍNH	160,718	19.0	4.7	163
CII	21.9	6,168,825	-2	TRUNG TÍNH	5,574	15.3	1.0	135
FPT	82.9	1,243,600	-2	TRUNG TÍNH	90,944	18.4	4.6	103
CEO	27	3,592,630	-2	TRUNG TÍNH	6,948	27.9	2.3	97
DGW	73.8	1,145,465	-2	TRUNG TÍNH	12,035	16.4	5.8	85
VGC	60.7	1,331,570	-2	TRUNG TÍNH	27,215	14.0	3.5	81

BVH	55.2	1,347,480	-2	TRUNG TÍNH	40,976	22.9	1.9	74
HBC	18.8	3,166,515	-2	TRUNG TÍNH	4,941	48.6	1.3	60
HNG	6.27	7,731,730	-2	TRUNG TÍNH	6,951	#N/A N/A	2.4	48
GAS	111	425,595	-2	TRUNG TÍNH	212,448	16.6	3.6	47
ITA	5.7	7,683,215	-2	TRUNG TÍNH	5,348	16.7	0.5	44
TLG	67.5	647,330	-2	TRUNG TÍNH	5,251	14.6	2.7	44
VRE	28.65	1,469,015	-2	TRUNG TÍNH	65,102	50.2	2.0	42
TCH	11.15	3,728,250	-2	TRUNG TÍNH	7,451	16.6	0.8	42
TNG	23.6	1,660,810	-2	TRUNG TÍNH	2,481	8.1	1.6	39
VIB	22.5	1,740,350	-2	TRUNG TÍNH	47,423	6.6	1.7	39
VPG	25.6	1,396,105	-2	TRUNG TÍNH	2,053	5.3	1.3	36
SCR	10.15	3,485,280	-2	TRUNG TÍNH	3,719	28.3	0.8	35
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	2,535	#N/A N/A	0.3	31
LDG	9.2	3,219,150	-2	TRUNG TÍNH	2,203	13.1	0.7	30
HPG	23	19,614,324	-4	TIÊU CỰC	133,740	4.8	1.3	451
VPB	29.6	12,769,200	-4	TIÊU CỰC	131,131	7.8	1.4	378
DGC	96	3,541,410	-4	TIÊU CỰC	35,639	7.7	3.9	340
NKG	21	14,241,255	-4	TIÊU CỰC	5,660	3.1	0.9	299
DCM	37	7,317,155	-4	TIÊU CỰC	19,588	5.3	2.0	271
PVS	26.3	9,920,865	-4	TIÊU CỰC	12,571	23.8	1.1	261
NVL	84.6	3,042,335	-4	TIÊU CỰC	164,956	51.2	4.4	257
IDC	53	4,591,440	-4	TIÊU CỰC	17,490	10.1	3.2	243
DIG	33.15	7,043,160	-4	TIÊU CỰC	20,217	18.7	2.7	233
DPM	50.2	4,081,680	-4	TIÊU CỰC	19,645	3.4	1.5	205
GEX	21.2	9,548,325	-4	TIÊU CỰC	18,052	25.0	1.4	202
HSG	16.35	12,365,525	-4	TIÊU CỰC	9,778	4.7	0.8	202
BSR	22.5	8,525,445	-4	TIÊU CỰC	69,761	10.7	1.9	192
FRT	86.7	1,948,620	-4	TIÊU CỰC	10,272	17.3	5.6	169
MBB	21.25	7,632,400	-4	TIÊU CỰC	96,347	6.1	1.4	162
DBC	26.35	5,565,125	-4	TIÊU CỰC	6,377	23.4	1.3	147
SHB	13.35	9,804,350	-4	TIÊU CỰC	35,603	4.9	0.9	131
PDR	51.6	2,189,640	-4	TIÊU CỰC	34,657	16.5	4.5	113
TCB	34.5	2,881,790	-4	TIÊU CỰC	121,521	6.0	1.2	99
HDC	44	2,017,690	-4	TIÊU CỰC	4,756	14.3	3.0	89
PC1	39.2	2,214,745	-4	TIÊU CỰC	9,218	18.8	1.9	87
VIX	11.4	7,240,840	-4	TIÊU CỰC	6,636	6.8	0.8	83
HAH	54.4	1,479,065	-4	TIÊU CỰC	3,715	5.9	1.9	80
VHC	84.2	943,925	-4	TIÊU CỰC	15,440	7.5	2.1	79
BCG	14.85	5,317,935	-4	TIÊU CỰC	7,922	8.4	1.1	79
REE	84.4	907,430	-4	TIÊU CỰC	29,996	12.8	2.1	77
VJC	115	572,715	-4	TIÊU CỰC	62,285	652.8	3.6	66
ANV	45.5	1,416,310	-4	TIÊU CỰC	5,784	11.8	2.1	64
GVR	23.6	2,633,900	-4	TIÊU CỰC	94,400	20.3	1.9	62
PVT	21.25	2,918,455	-4	TIÊU CỰC	6,991	10.9	1.3	62
PHR	63	962,330	-4	TIÊU CỰC	8,536	12.9	2.6	61
ACB	22.8	2,290,970	-4	TIÊU CỰC	77,006	6.5	1.5	52
PVC	20.5	2,523,970	-4	TIÊU CỰC	1,025	263.0	1.4	52
LPB	14.05	3,498,835	-4	TIÊU CỰC	21,125	4.4	0.9	49

BID	35	1,394,115	-4	TIÊU CỰC	177,807	13.7	2.0	49
PET	39.95	1,063,740	-4	TIÊU CỰC	3,589	14.2	1.9	42
SZC	47.1	887,550	-4	TIÊU CỰC	4,710	20.7	3.2	42
HDB	24.65	1,665,665	-4	TIÊU CỰC	49,702	7.1	1.5	41
KDH	31.45	1,299,100	-4	TIÊU CỰC	22,544	17.9	2.1	41
IDJ	14.2	2,143,500	-4	TIÊU CỰC	2,464	10.5	1.3	30
VHM	57.7	1,904,485	-5	TIÊU CỰC	251,247	8.9	2.1	110
HDG	44.45	2,049,405	-5	TIÊU CỰC	10,873	7.7	2.3	91
KDC	63.7	1,141,245	-5	TIÊU CỰC	16,028	28.1	2.4	73
NLG	36	1,945,310	-5	TIÊU CỰC	13,786	18.3	1.6	70
CTG	25.4	2,675,415	-5	TIÊU CỰC	122,066	8.3	1.2	68
PLX	37.55	1,235,195	-5	TIÊU CỰC	47,711	52.0	2.1	46
MWG	70.1	4,382,005	-6	TIÊU CỰC	102,606	20.4	4.6	307
POW	13.65	17,265,164	-6	TIÊU CỰC	31,967	20.2	1.1	236
IDI	21.25	4,163,715	-6	TIÊU CỰC	4,837	9.3	1.4	88
CTD	68	617,335	-6	TIÊU CỰC	5,022	#N/A N/A	0.6	42
TDC	23	1,628,025	-6	TIÊU CỰC	2,300	27.1	1.8	37
VCB	77.6	1,142,970	-7	TIÊU CỰC	369,136	14.8	3.0	89
MSN	110	572,980	-7	TIÊU CỰC	156,610	15.3	5.4	63
DPG	44.4	1,194,985	-7	TIÊU CỰC	2,797	7.4	1.9	53
HTP	48.4	1,001,805	-7	TIÊU CỰC	4,443	2,244.9	4.5	48

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Fed tăng lãi suất 0,75% lần thứ ba liên tiếp, cảnh báo suy thoái

Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) nâng lãi suất thêm 0,75% đồng thời khẳng định sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong thời gian tới nhằm sớm kéo giảm lạm phát. Đây là lần thứ ba liên tiếp Fed nâng lãi suất 0,75% trong năm nay, đưa mức lãi suất điều hành lên 3-3,25%, cao nhất kể từ đầu năm 2008. “Thông điệp của tôi không thay đổi so với tại hội nghị Jackson Hole”, ông Powell nói trong phiên họp báo ngay sau khi cuộc họp kết thúc. “Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) quyết tâm đưa lạm phát về lại ngưỡng mục tiêu 2% và sẽ giữ vững quyết tâm đó cho tới khi nào công việc hoàn thành. Fed bắt đầu quá trình tăng lãi suất từ tháng 3 năm nay, đánh dấu giai đoạn siết chính sách tiền tệ quyết liệt nhất kể từ khi cơ quan này sử dụng lãi suất qua đêm làm công cụ chính sách tiền tệ chính vào năm 1990. Cùng với bước tăng lãi suất 0,75%, các quan chức Fed ám chỉ về các đợt tăng lãi suất tiếp theo khi dự báo điểm dừng của quá trình này ở ngưỡng 4,6% trong năm 2023. Trong khảo sát triển vọng lãi suất, các thành viên của Fed đều nhận định lãi suất sẽ tiếp tục tăng cho tới năm 2024, đồng nhất với một số phát biểu gần đây rằng Ngân hàng trung ương Mỹ sẽ không sớm cắt giảm lãi suất vào năm sau.

CMG: Phát hành thêm 41 triệu cổ phiếu, tăng vốn lên 1.500 tỷ đồng

Tập đoàn công nghệ CMC ([HoSE:CMG](#)) vừa báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và trả thưởng cổ phiếu do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể, CMC đã phát hành tổng cộng hơn 41 triệu cổ phiếu, tổng tỷ lệ 37,62%. Thứ nhất, thực hiện trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 13%), CMC đã phát hành gần 14,2 triệu cổ phiếu phân phối cho 3.170 cổ đông. Thứ hai, cổ phiếu thưởng phân phối cho cổ đông là 26,8 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 24,62%). Tổng giá trị tính theo mệnh giá sau hai đợt phát hành là 410 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ của công ty lên 1.500 tỷ đồng. Về hoạt động kinh doanh, quý I niên độ 2022-2023 (1/4-30/6), CMC ghi nhận doanh thu 1.710 tỷ đồng, tăng 31,4% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 80 tỷ đồng, tăng 81,5%. Theo giải trình của CMC, các khối kinh doanh đều đạt mức độ tăng trưởng tốt. Trong đó doanh thu khối kinh doanh quốc tế tăng 90% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu khối giải pháp công nghệ tăng 29% và doanh thu khối dịch vụ viễn thông tăng 23%.

TCM: báo lãi 33 tỷ đồng trong tháng 8

Đệt may Thành Công ([HoSE:TCM](#)) công bố doanh thu tháng 8 đạt 19,4 triệu USD (~ 458 tỷ đồng), tăng 85% so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 1,4 triệu USD (~ 33 tỷ đồng), cải thiện mạnh so với mức lỗ 282.000 USD (~ 6,6 tỷ đồng) tháng 8 năm ngoái. Doanh thu tháng 8 đến từ 3 mảng chính, trong đó sản phẩm may chiếm 77%, vải chiếm 15% và sợi chiếm 7%. Kết quả kinh doanh tháng 8 có sự tăng trưởng ấn tượng do cùng kỳ năm trước, diễn biến dịch bệnh Covid-19 phức tạp, công ty thực hiện làm việc giãn cách nên năng suất lao động ngành may không đạt kế hoạch, cộng với chi phí hoạt động theo phương thức 3 tại chỗ cao,

dẫn đến biên lợi nhuận gộp không cao và bị lỗ. Lũy kế 8 tháng, doanh thu đạt 127,7 triệu USD (~ 3.024 tỷ đồng), tăng 20%; lãi sau thuế 8,1 triệu USD (~ 191,8 tỷ đồng), tăng 47,6%. Doanh nghiệp thông tin chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí xăng dầu và chi phí logistic tăng mạnh trong những tháng đầu năm 2022. Dù vậy, công ty đã gia tăng năng suất và cắt giảm chi phí để đạt kết quả kinh doanh khả quan. Đơn vị thực hiện được khoảng 72% kế hoạch doanh thu năm và 75% kế hoạch lợi nhuận sau thuế sau 8 tháng.

PC1 trả cổ tức tỷ lệ 15% cho năm 2021

Nghị quyết HĐQT PC1 ([HoSE: PC1](#)) thông qua việc triển khai phương án phát hành hơn 35,2 triệu cổ phiếu tỷ lệ 15% theo mệnh giá để trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông hiện hữu, với mỗi 100 cổ phiếu cổ đông sẽ nhận được 15 cổ phiếu mới. Như vậy, tổng giá trị phát hành dự kiến là hơn 352 tỷ đồng, vốn điều lệ dự kiến tăng lên 2.704 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất ngày 31/12/2021. Cổ đông sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng lượng cổ phiếu mới này. Thời gian phát hành dự kiến trong quý IV năm nay. Đây là mức cổ tức thấp nhất trong 4 năm trở lại đây. PC1 trả cổ tức tỷ lệ 20% cho cổ đông từ năm 2018 đến năm 2020. Năm 2021, PC1 có doanh thu thuần 9.828 tỷ đồng, tăng hơn 47% so với năm trước. Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ đạt 695 tỷ đồng, tăng hơn 35%.

KBC: Cổ đông lớn tiếp tục mua thêm 1,5 triệu cổ phần

Ngày 19/9, Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc mua 1,5 triệu cổ phiếu KBC của Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc ([HoSE:KBC](#)), tăng lượng sở hữu từ 60,8 triệu cổ phần (tỷ lệ 7,91%) lên 62,3 triệu cổ phần (tỷ lệ 8,11%). Tạm tính theo thị giá chốt phiên giao dịch là 27.900 đồng/cp, Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc chi khoảng 42 tỷ đồng để sở hữu lượng cổ phần trên. Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc hiện là cổ đông lớn thứ 2 trong 4 cổ đông lớn của Tổng công ty Phát triển đô thị Kinh Bắc. Chủ tịch HĐQT Đặng Thành Tâm là người sở hữu nhiều cổ phần nhất với 113,7 triệu đơn vị KBC, ứng với 14,81% vốn. Xếp ở vị trí thứ 3 và 4 là Tư vấn và Đầu tư Phát triển Kinh Bắc và Đầu tư Kinh Bắc với lượng sở hữu lần lượt là 61,4 triệu cổ phần (tỷ lệ 8%) và 60,3 triệu cổ phần (tỷ lệ 7,86%). Cổ phiếu KBC kết phiên 21/9 tại mức giá 29.100 đồng/cp, tăng 4,3% so với mức giá Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc mua vào. So với mức đỉnh 46.580 đồng/cp cuối năm ngoái, thị giá mã này đã mất 37,5% giá trị.

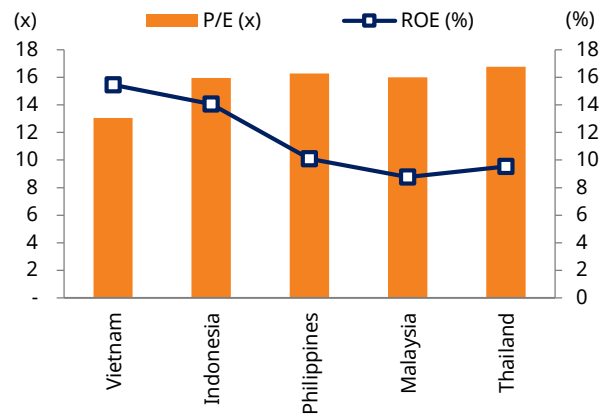
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



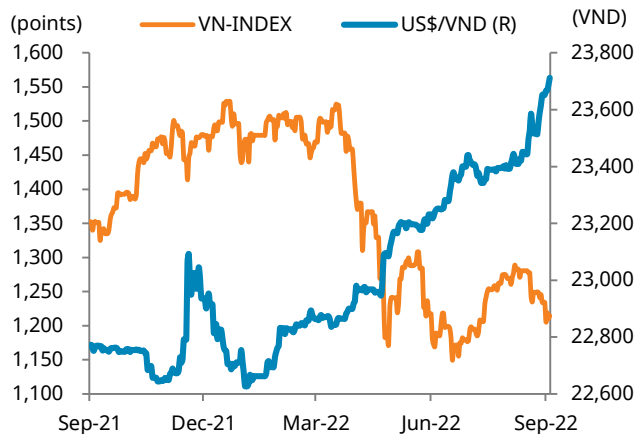
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



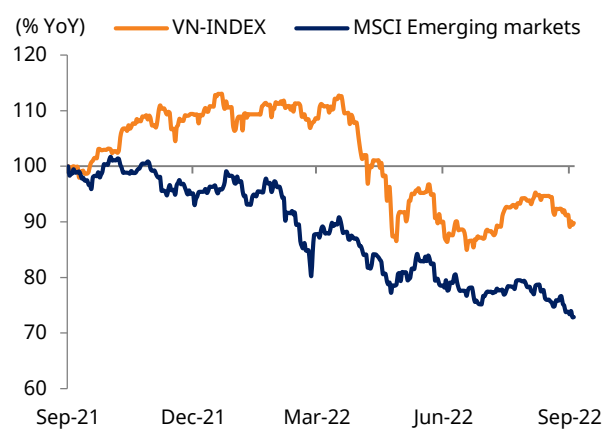
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



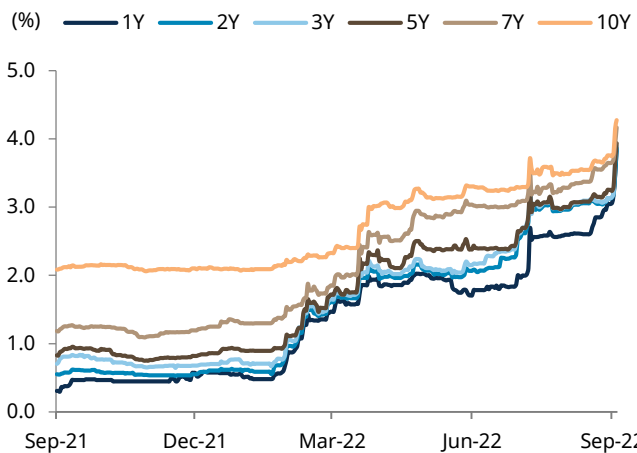
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



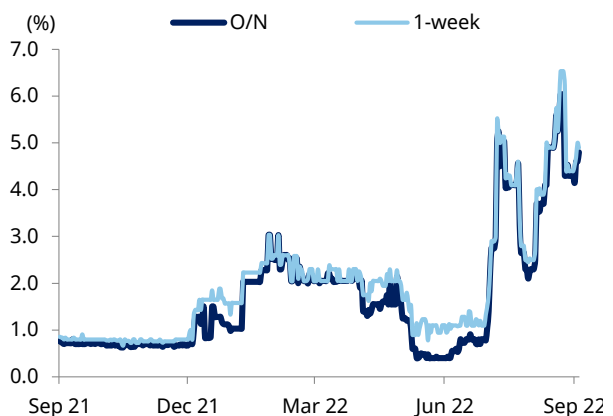
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,214.70	4,813,058		0.3	-2.5	-3.6	-10.1	17.3	11.3	2.6	1.9	35.2	24.7	15.5	18.7
VN30 Index	VN30	1,228.94	3,338,168		0.1	-2.7	-4.4	-15.4	14.4	9.8	2.8	1.8	38.5	17.2	19.6	20.6
Asia Commercial Bank	ACB VN	22,800	77,006	30.0	0.9	-3.2	-7.5	-9.8	9.6	5.9	2.2	1.3	24.6	38.0	23.5	24.7
BIDV	BID VN	35,150	177,807	16.9	1.2	-1.7	-8.6	11.6	19.1	12.7	2.3	1.8	50.3	60.1	11.0	16.9
Bao Viet Holdings	BVH VN	55,200	40,976	26.4	0.2	-2.5	-3.2	-6.4	22.9	19.3	2.0	#N/A	21.8	12.1	9.2	9.9
VietinBank	CTG VN	25,400	122,066	26.9	-0.6	-5.6	-9.3	-19.0	9.8	6.2	1.7	1.1	18.2	39.8	15.8	19.7
FPT Corp	FPT VN	82,900	90,944	49.0	0.7	-1.0	-4.5	6.7	20.9	17.0	5.0	4.2	21.5	34.6	23.4	28.9
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	111,000	212,448	3.0	1.8	-0.7	-3.4	25.6	21.8	14.9	3.7	3.6	8.1	71.2	16.8	24.8
Vietnam Rubber Group	GVR VN	23,600	94,400	0.5	1.5	-7.5	-0.2	-36.2	45.6	23.0	3.0	#N/A	10.3	-1.2	8.7	8.5
HDBank	HDB VN	24,700	49,702	18.1	0.0	-1.8	-2.9	-2.9	11.0	6.1	2.2	#N/A	42.5	32.2	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,000	133,740	20.9	0.4	-2.5	-1.5	-41.3	6.6	5.4	2.5	1.2	151.5	-22.5	42.8	22.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	31,450	22,544	31.1	0.0	-11.4	-16.6	-17.6	27.5	15.8	3.4	1.9	3.1	22.1	12.2	13.0
MBBank	MBB VN	21,250	96,347	23.2	0.2	-4.1	-8.0	-8.9	9.8	5.6	1.9	1.2	53.0	35.6	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	110,000	156,610	29.0	-1.8	-1.8	-1.6	-10.2	99.2	27.9	9.4	4.1	589.7	-35.0	35.1	14.9
Mobile World Investment Corp	MWG VN	70,100	102,606	49.0	0.1	-5.1	5.4	11.5	22.2	18.1	5.2	3.5	18.2	12.0	27.3	24.9
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	84,600	164,956	5.6	0.0	-0.8	3.4	7.5	2282.8	29.1	5.1	4.1	-18.7	59.6	10.6	14.5
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	51,600	34,657	2.6	0.0	0.6	-8.0	-13.2	29.4	#N/A	7.5	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	37,550	47,711	17.5	-0.9	-4.5	-11.3	-25.0	21.0	24.9	2.8	1.9	160.6	-15.8	9.7	5.8
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	22,500	47,423	20.5	2.3	-2.2	-10.0	-21.7	13.1	5.7	3.3	1.4	39.0	31.1	29.9	28.2
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,650	31,967	2.7	1.5	-5.5	0.0	15.7	15.4	18.8	1.4	1.0	-24.2	-4.1	6.2	5.8
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	187,000	119,920	62.8	-0.5	0.9	-3.6	18.4	26.5	23.9	4.6	4.9	-22.9	42.3	17.1	22.3
SSI Securities Corp	SSI VN	21,100	31,421	34.7	2.7	-2.5	-14.6	-46.3	23.9	12.7	4.3	#N/A	100.3	-31.6	21.0	15.2
Sacombank	STB VN	21,950	41,380	21.8	0.9	-4.8	-11.1	-17.8	17.0	9.7	1.8	1.1	30.6	38.9	9.5	12.0
Techcombank	TCB VN	34,550	121,521	22.4	0.1	-5.6	-10.7	-31.6	10.1	5.6	2.0	1.1	46.1	20.6	21.7	21.0
Tien Phong Bank	TPB VN	25,350	40,098	30.0	0.4	-4.5	-9.1	-14.7	12.5	6.5	2.6	1.3	28.5	20.3	22.6	21.6
Vietcombank	VCB VN	78,000	369,136	23.5	-1.1	-1.5	-2.5	0.0	17.6	13.3	3.4	2.7	19.7	40.1	19.6	21.9
Vinhomes JSC	VHM VN	57,700	251,247	23.1	-1.0	-4.6	-2.9	-26.0	12.0	8.1	3.1	1.7	40.9	-21.4	36.9	22.2
Vingroup JSC	VIC VN	63,300	241,422	12.2	0.3	-0.9	-4.1	-26.5	#N/A	30.0	3.6	2.2	-145.6	407.5	-2.8	7.6
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	115,000	62,285	16.2	0.0	-0.9	-7.2	-6.7	#N/A	48.6	4.1	#N/A	6.1	1,602.2	0.5	7.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	76,900	160,718	55.0	0.0	3.2	4.3	-16.0	19.1	18.1	5.8	4.7	-5.3	-5.9	29.3	27.1
VPBank	VPB VN	29,300	131,131	17.7	-0.7	-3.3	-6.2	-21.0	12.9	6.3	2.6	1.3	11.6	74.4	17.9	20.8
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,650	65,102	32.1	0.2	-0.7	-1.4	0.7	31.6	26.7	2.2	2.0	-44.8	85.9	4.4	7.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.